

Số: 67A/BB - ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 19 tháng 4 năm 2022

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN, CÂY XANH HẢI PHÒNG

Hôm nay, vào hồi 8 giờ ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường trụ sở Các ban của Đảng (Số 128 đường Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng).

Mã số doanh nghiệp: 0201093967

SĐT: 02253.847.032

Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo sự triệu tập của Chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Lê Văn Tuấn; Thời gian họp bắt đầu từ: 8 giờ đến 11 giờ 30 phút.

Đại hội đồng cổ đông họp với các nội dung sau:

I. Thành phần tham dự cuộc họp

- Tổng số cổ đông của Công ty là 187 cổ đông. Trong đó cổ đông là cá nhân: 183 người, Cổ đông là pháp nhân: 04 tổ chức.

- Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần này có 181/187 cổ đông (danh sách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ được đính kèm theo Biên bản này), nắm giữ 1.167.700 cổ phần tương ứng với 11.677.000.000 đồng.

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 1.167.700 cổ phần tương ứng với 1.167.700 phiếu biểu quyết (đạt tỷ lệ 91,23% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

II. Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Công viên, cây xanh Hải Phòng được tiến hành dưới sự chứng kiến của các đại biểu:

1. Ông Đào Duy Phương – Phó Giám đốc Sở Nội vụ Hải Phòng
2. Ông Phạm Văn Căng– Trưởng phòng TCLĐ&TL, Sở LĐTB&XH Hải Phòng.
3. Ông Phạm Đình Phúc – Trưởng phòng Doanh nghiệp kinh tế tập thể và tư nhân, Sở Kế hoạch và đầu tư Hải Phòng
4. Bà Hoàng Thị Tuyết Mai – Chuyên viên Sở Tài chính Hải Phòng
5. Ông Bùi Ngọc Tân – Chuyên viên Sở Xây dựng Hải Phòng

III. Đại hội thống nhất bầu:

1. Chủ tọa Đại hội gồm các ông (bà) có tên sau:

- Ông Lê Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT.
- Ông Phạm Kiến Phong - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
- Ông Phạm Quang Sỹ - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

2. Thư ký Đại hội gồm các ông (bà) có tên sau:

- Bà Đoàn Thị Hương Trà - Trưởng phòng TCLĐ&TL.
- Ông Nguyễn Hồng Duy - Nhân viên Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.

3. Ban kiểm phiếu đại hội gồm các ông (bà) có tên sau:

- Ông Đàm Đình Năm - Trưởng Ban
- Bà Nguyễn Thị Bắc - Ủy viên
- Ông Lê Văn Hưng - Ủy viên
- Bà Nguyễn Thị Minh Thu - Ủy viên
- Bà Nguyễn Thị Khánh Vân - Ủy viên

IV. Chương trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Công viên, cây xanh Hải Phòng được tiến hành như sau:

1. Bà Đinh Thị Vân Anh - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.
2. Đại hội đã nghe và thảo luận các nội dung sau:
 - Việc di chuyển trụ sở Công ty.
 - Quy chế Quản trị nội bộ công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát.
 - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty
 - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.
 - Phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2021; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2022.
 - Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021, Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022 của người quản lý Công ty.
 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

3. Sau khi bàn bạc, thảo luận các vấn đề nêu trên các cổ đông đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

3.1. Thông qua việc di chuyển trụ sở Công ty

Địa chỉ trụ sở hiện tại: Số 53, đường Lạch Tray, phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Địa chỉ trụ sở chính chuyển đến: Số 26, đường Lương Khánh Thiện, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.



Biểu quyết:

Số phiếu phát ra: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Số phiếu thu về: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Trong đó:

Số phiếu hợp lệ	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu có ý kiến khác	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết

3.2. Thông qua Quy chế Quản trị nội bộ công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát

Biểu quyết:

Số phiếu phát ra: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Số phiếu thu về: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Trong đó:

Số phiếu hợp lệ	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu có ý kiến khác	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết

3.3. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc sửa đổi nội dung điều lệ Công ty tương ứng với nội dung thay đổi nêu trên tại điểm a, Khoản 2, Điều 2

Biểu quyết:



Số phiếu phát ra: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Số phiếu thu về: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Trong đó:

Số phiếu hợp lệ	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu có ý kiến khác	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết

3.4 Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

+ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

- Tổng Doanh thu	56.313.083.416	đồng
- Lợi nhuận trước thuế	3.055.715.889	đồng
- Lợi nhuận sau thuế	2.398.554.333	đồng
- Thu nhập bình quân	8.700.000	(đ/người/tháng)

+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

- Tổng Doanh thu	57.000.000.000	đồng
- Lợi nhuận trước thuế	3.200.000.000	đồng
- Lợi nhuận sau thuế	2.530.000.000	đồng
- Thu nhập bình quân	9.000.000	(đ/người/tháng)

Biểu quyết:

Số phiếu phát ra: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Số phiếu thu về: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Trong đó:

Số phiếu hợp lệ	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu
-----------------	---

	có quyền biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu có ý kiến khác	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết

3.5. Thông qua Phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2021; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2022

a/ Phương án phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2021

Lợi nhuận sau thuế: **2.398.554.333** đồng

Phương án phân phối lợi nhuận như sau:

Diễn giải	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	5,00	119.927.717
+ Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng:	58,31	1.398.655.530
+ Trích quỹ thưởng Người quản lý công ty:	2,00	47.971.087
+ Lợi nhuận còn lại chia cổ tức:	34,69	832.000.000
+ Tỷ lệ cổ tức /vốn điều lệ	6,5	

b/ Kế hoạch phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2022

Lợi nhuận sau thuế: **2.530.000.000** đồng

Phương án phân phối lợi nhuận như sau:

Diễn giải	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	5	126.500.000
+ Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng:	60,11	1.520.900.000
+ Trích quỹ thưởng Người quản lý công ty:	2,00	50.600.000
+ Lợi nhuận còn lại chia cổ tức:	32,89	832.000.000
+ Tỷ lệ cổ tức (%)	6,5	

Biểu quyết:

Số phiếu phát ra: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Số phiếu thu về: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Trong đó:



Số phiếu hợp lệ	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu có ý kiến khác	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết

3.6. Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021; Quỹ tiền lương, thù lao KH năm 2022 của người quản lý công ty

a/ Quỹ tiền lương, thù lao thực chi năm 2021 của người quản lý Công ty

TT	Chức danh	Số người	Thực chi năm 2021 đề nghị thông qua		
			Tiền lương	Thù lao	Tổng cộng
1	Chủ tịch HĐQT	1	241.500.000		241.500.000
2	Tổng giám đốc	1	231.720.000		231.720.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	212.460.000		212.460.000
4	Phó Tổng giám đốc	2	404.238.000		404.238.000
5	Kế toán trưởng	1	62.320.000		62.320.000
6	Thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm	4		159.632.000	159.632.000
	Cộng		1.152.238.000	159.632.000	1.311.870.000

b/ Quỹ tiền lương, thù lao Kế hoạch năm 2022 của người quản lý Công ty

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương (đồng)	Thù lao (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT: 22,8 tr đồng/tháng	1	273.600.000		273.600.000
2	Tổng giám đốc: 21,9 tr đồng/tháng	1	262.800.000		262.800.000
3	Trưởng Ban kiểm soát: 20,1 tr đồng/tháng	1	241.200.000		241.200.000
4	Phó Tổng giám đốc: 19,2 tr đồng/tháng	2	460.800.000		460.800.000
5	Kế toán trưởng: 17,3 tr đồng/tháng	1	207.600.000		207.600.000
6	Thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm(bằng 20% tiền lương bình quân của NQL chuyên trách)	4		192.800.000	192.800.000
	Cộng		1.446.000.000	192.800.000	1.638.800.000

Biểu quyết:

Số phiếu phát ra: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Số phiếu thu về: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Trong đó:

Số phiếu hợp lệ	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu có ý kiến khác	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết

3.7. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022

Đơn vị được lựa chọn: Công ty TNHH kiểm toán An Việt

Biểu quyết:

Số phiếu phát ra: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Số phiếu thu về: 1.167.700 phiếu (tương ứng với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết)

Trong đó:

Số phiếu hợp lệ	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	1.167.700/1.167.700 phiếu, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết
Số phiếu có ý kiến khác	0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết

3.8. Các cổ đông nhất trí giao cho người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Công viên, cây xanh Hải Phòng tiến hành các thủ tục pháp lý về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.



V. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Chủ tọa cuộc họp tổng kết lại các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký lập một cách chính xác, trung thực và đã đọc lại cho tất cả các cổ đông dự họp cùng nghe. Chủ tọa và Thư ký cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản này.

Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được lập thành Bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Thư ký cuộc họp



Đoàn Thị Hương Thảo



Chủ tọa cuộc họp

LÊ VĂN TUÂN

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN, CÂY XANH HẢI PHÒNG

1. Cổ đông dự họp trực tiếp tại cuộc họp:

TT	Mã cổ đông	Họ và tên	Số CP sở hữu	Số tiền sở hữu tương ứng (đồng)	Số phiếu biểu quyết	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
1	CVCX001	UBND thành phố Hải Phòng	704.000	7.040.000.000	704.000	55,00%	
		Người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp:					
		- Lê Văn Tuấn: 260.000 cổ phần					
		- Phạm Kiến Phong: 184.000 cổ phần					
		- Bùi Gia Bảo: 195.000 cổ phần					
		- Hoàng Thị Tuyết Mai: 65.000 cổ phần					
2	CVCX002	Phạm Thị Vân Anh	1.000	10.000.000	1.000	0,08%	
3	CVCX003	Đinh Thị Vân Anh	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	
4	CVCX006	Nguyễn Thị Bắc	1.400	14.000.000	1.400	0,11%	
5	CVCX007	Bùi Gia Bảo	9.700	97.000.000	9.700	0,76%	
6	CVCX009	Phạm Văn Bình	1.500	15.000.000	1.500	0,12%	
7	CVCX014	Đỗ Thị Châu	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
8	CVCX015	Hoàng Hữu Chư	4.500	45.000.000	4.500	0,35%	
9	CVCX024	Nguyễn Văn Đàm	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
10	CVCX027	Phạm Thanh Diên	3.300	33.000.000	3.300	0,26%	
11	CVCX031	La Thị Duân	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
12	CVCX036	Nguyễn Hồng Duy	400	4.000.000	400	0,03%	
13	CVCX039	Nguyễn Khắc Hà	4.000	40.000.000	4.000	0,31%	
14	CVCX044	Nguyễn Phi Hải	3.100	31.000.000	3.100	0,24%	
15	CVCX047	Phan Thị Hạnh	1.200	12.000.000	1.200	0,09%	
16	CVCX048	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	900	9.000.000	900	0,07%	
17	CVCX051	Đinh Thị Hiền	3.100	31.000.000	3.100	0,24%	
18	CVCX061	Lê Thị Hồng	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
19	CVCX064	Phạm Văn Hùng	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
20	CVCX065	Lê Văn Hưng	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
21	CVCX077	Ngô Thị Thu Huyền	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
22	CVCX079	Nguyễn Văn Khắc	2.000	20.000.000	2.000	0,16%	
23	CVCX086	Hoàng Thị Phương Lan	1.000	10.000.000	1.000	0,08%	
24	CVCX088	Nguyễn Thị Lễ	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	
25	CVCX089	Đặng Thị Hồng Liên	34.200	342.000.000	34.200	2,67%	

26	CVCX097	Đàm Văn Lực	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
27	CVCX101	Đinh Thị Thúy Mai	6.300	63.000.000	6.300	0,49%	
28	CVCX104	Đoàn Văn Năm	3.200	32.000.000	3.200	0,25%	
29	CVCX105	Đàm Đình Năm	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	
30	CVCX109	Nguyễn Duy Ngọc	2.100	21.000.000	2.100	0,16%	
31	CVCX112	Đoàn Đắc Ninh	1.200	12.000.000	1.200	0,09%	
32	CVCX116	Đặng Thị Tú Oanh	1.400	14.000.000	1.400	0,11%	
33	CVCX117	Đàm Thị Oanh	2.300	23.000.000	2.300	0,18%	
34	CVCX119	Phạm Kiến Phong	3.400	34.000.000	3.400	0,27%	
35	CVCX120	Phạm Văn Phúc	7.000	70.000.000	7.000	0,55%	
36	CVCX122	Nguyễn Thị Phương	2.700	27.000.000	2.700	0,21%	
37	CVCX123	Nguyễn Thị Minh Phương	2.000	20.000.000	2.000	0,16%	
38	CVCX134	Nguyễn Thị Sơn	1.900	19.000.000	1.900	0,15%	
39	CVCX138	Phạm Quang Sỹ	3.400	34.000.000	3.400	0,27%	
40	CVCX144	Nguyễn Thị Thanh	1.900	19.000.000	1.900	0,15%	
41	CVCX145	Trịnh Thị Bích Thảo	2.800	28.000.000	2.800	0,22%	
42	CVCX147	Cao Hữu Thiều	3.200	32.000.000	3.200	0,25%	
43	CVCX149	Nguyễn Thị Minh Thu	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	
44	CVCX153	Đoàn Quang Thuận	2.300	23.000.000	2.300	0,18%	
45	CVCX162	Phạm Thị Trang	1.500	15.000.000	1.500	0,12%	
46	CVCX167	Vũ Văn Toàn	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
47	CVCX168	Đoàn Thị Hương Trà	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
48	CVCX169	Vũ Thị Phương Trinh	3.400	34.000.000	3.400	0,27%	
49	CVCX172	Lê Văn Tuấn	23.100	231.000.000	23.100	1,80%	
50	CVCX182	Nguyễn Thị Khánh Vân	1.400	14.000.000	1.400	0,11%	
51	CVCX184	Lê Thị Vân	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
52	CVCX185	Lương Viết Văn	100	1.000.000	100	0,01%	
53	CVCX186	Khúc Văn Vinh	3.100	31.000.000	3.100	0,24%	
54	CVCX192	Nguyễn Văn Xuân	900	9.000.000	900	0,07%	
		Cộng	873.200	8.732.000.000	873.200	68,22%	

2021
CÔNG
CỔ P
CÔNG
CÁO
HẢI P
QUYỀN

2. Cổ đông ủy quyền dự họp:

TT	Mã cổ đông	Họ và tên	Số CP sở hữu	Số tiền sở hữu tương ứng (đồng)	Số phiếu biểu quyết	Tỉ lệ (%)	Người được ủy quyền
1	CVCX127	Công ty TNHH Quang Quyền <i>Người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp: Ông Nguyễn Văn Quyền</i>	128.000	1.280.000.000	128.000	10,00%	Nguyễn Khắc Hà

2	CVCX018	Công đoàn Công ty Cổ phần Công viên, cây xanh HP. <i>Người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp: ông Phạm Văn Hùng</i>	5.600	56.000.000	5.600	0,44%	Nguyễn Thị Bắc
3	CVCX072	Nguyễn Nhật Huy	200	2.000.000	200	0,02%	
4	CVCX091	Phạm Thị Hồng Linh	400	4.000.000	400	0,03%	
5	CVCX026	Đỗ Tiến Đạt	300	3.000.000	300	0,02%	
6	CVCX126	Đỗ Đăng Quang	1.200	12.000.000	1.200	0,09%	
7	CVCX133	Đỗ Văn Sinh	800	8.000.000	800	0,06%	Nguyễn Thị Khánh Vân
8	CVCX103	Nguyễn Hoàng Minh	100	1.000.000	100	0,01%	
9	CVCX148	Trần Đức Thọ	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
10	CVCX176	Tô Quang Tường	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
11	CVCX177	Nguyễn Hữu Tuyên	900	9.000.000	900	0,07%	
12	CVCX017	Nguyễn Văn Chương	700	7.000.000	700	0,05%	Đặng Thị Hồng Liên
13	CVCX022	Dương Văn Cường	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
14	CVCX099	Bùi Thị Lý	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	Đoàn Thị Hương Trà
15	CVCX021	Đoàn Kim Cương	100	1.000.000	100	0,01%	
16	CVCX129	Nguyễn Xuân Quỳnh	7.100	71.000.000	7.100	0,55%	Đàm Văn Lực
17	CVCX132	Bùi Văn Sinh	3.200	32.000.000	3.200	0,25%	
18	CVCX033	Nguyễn Xuân Dương	300	3.000.000	300	0,02%	
19	CVCX059	Phạm Tiến Hoan	1.000	10.000.000	1.000	0,08%	
20	CVCX102	Nguyễn Văn Mạnh	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
21	CVCX143	Ngô Văn Thắng	1.400	14.000.000	1.400	0,11%	
22	CVCX140	Vũ Văn Tân	3.400	34.000.000	3.400	0,27%	Phan Thị Hạnh
23	CVCX011	Lâm Văn Ca	1.900	19.000.000	1.900	0,15%	
24	CVCX069	Nguyễn Văn Hường	3.100	31.000.000	3.100	0,24%	
25	CVCX081	Nguyễn Kim Khoa	3.700	37.000.000	3.700	0,29%	
26	CVCX139	Vũ Thị Tám	1.600	16.000.000	1.600	0,13%	Đinh Thị Vân Anh
27	CVCX004	Nguyễn Thị Anh	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	
28	CVCX029	Đặng Thị Thu Đông	1.000	10.000.000	1.000	0,08%	
29	CVCX032	Đỗ Anh Dũng	1.400	14.000.000	1.400	0,11%	
30	CVCX037	Phạm Thị Duyên	900	9.000.000	900	0,07%	
31	CVCX057	Đinh Thị Hoà	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
32	CVCX058	Nguyễn Thị Hoà	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
33	CVCX073	Đàm Văn Huy	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
34	CVCX074	Trịnh Quang Huy	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
35	CVCX090	Lê Văn Liệu	3.100	31.000.000	3.100	0,24%	
36	CVCX094	Lê Thị Loan	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
37	CVCX106	Phạm Thị Nga	2.000	20.000.000	2.000	0,16%	
38	CVCX115	Trịnh Thị Oanh	2.800	28.000.000	2.800	0,22%	
39	CVCX128	Trần Đức Quý	700	7.000.000	700	0,05%	
40	CVCX130	Nguyễn Thị Sâm	700	7.000.000	700	0,05%	
41	CVCX135	Nguyễn Xuân Sơn	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	



42	CVCX152	Hoàng Thị Hoài Thu	1.200	12.000.000	1.200	0,09%	
43	CVCX155	Phạm Thị Thuận	800	8.000.000	800	0,06%	
44	CVCX156	Nguyễn Thị Thuận	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	
45	CVCX164	Trần Thị Hiếu	3.600	36.000.000	3.600	0,28%	
46	CVCX183	Phạm Thị Vân	1.600	16.000.000	1.600	0,13%	
47	CVCX187	Đào Thúy Vinh	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
48	CVCX188	Lại Thị Vĩnh	1.800	18.000.000	1.800	0,14%	
49	CVCX189	Phạm Thị Xim	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
50	CVCX019	Nguyễn Thị Cúc	700	7.000.000	700	0,05%	Phạm Thanh Diên
51	CVCX023	Phạm Văn Cường	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
52	CVCX050	Bùi Thị Hào	600	6.000.000	600	0,05%	
53	CVCX056	Nguyễn Thị Hoa	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
54	CVCX063	Nguyễn Thanh Hùng	1.900	19.000.000	1.900	0,15%	
55	CVCX075	Vũ Quốc Huy	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
56	CVCX100	Nguyễn Thị Lý	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
57	CVCX113	Trần Văn Ninh	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
58	CVCX118	Lê Trung Phát	2.500	25.000.000	2.500	0,20%	
59	CVCX124	Đào Thị Minh Phương	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
60	CVCX131	Vũ Thị Sen	1.800	18.000.000	1.800	0,14%	
61	CVCX146	Hoàng Hữu Thâu	1.600	16.000.000	1.600	0,13%	
62	CVCX159	Vũ Thị Thùy	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
63	CVCX160	Phạm Thị Thùy	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	
64	CVCX166	Chu Thị Tình	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	
65	CVCX193	Nguyễn Thị Yên	3.100	31.000.000	3.100	0,24%	
66	CVCX173	Đông Thị Tuấn	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	Nguyễn Thị Minh Phương
67	CVCX040	Đỗ Thị Thu Hà	2.500	25.000.000	2.500	0,20%	
68	CVCX180	Đinh Thị Tuyết	1.900	19.000.000	1.900	0,15%	Phạm Văn Phúc
69	CVCX008	Phạm Văn Bảy	1.400	14.000.000	1.400	0,11%	
70	CVCX028	Nguyễn Thị Điển	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
71	CVCX034	Phạm Minh Dương	1.000	10.000.000	1.000	0,08%	
72	CVCX041	Phạm Thị Thúy Hà	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
73	CVCX049	Nguyễn Thị Hào	900	9.000.000	900	0,07%	
74	CVCX053	Đào Thị Thu Hiền	900	9.000.000	900	0,07%	
75	CVCX066	Trịnh Lan Hương	900	9.000.000	900	0,07%	
76	CVCX078	Tạ Hữu Khắc	1.700	17.000.000	1.700	0,13%	
77	CVCX082	Nguyễn Đình Khoản	1.500	15.000.000	1.500	0,12%	
78	CVCX092	Tạ Thị Thùy Linh	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	
79	CVCX125	Trần Thị Kim Phượng	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
80	CVCX150	Phan Thị Thu	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	
81	CVCX165	Nguyễn Thị Tính	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
82	CVCX181	Phạm Thị Úy	800	8.000.000	800	0,06%	
83	CVCX005	Trần Thị Vân Anh	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
84	CVCX025	Phạm Thị Dần	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
85	CVCX035	Đàm Thị Bạch Dương	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	



86	CVCX038	Hoàng Thị Giang	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	Nguyễn Duy Ngọc
87	CVCX054	Lê Sỹ Hiệp	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
88	CVCX060	Phù Thị Hoàn	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
89	CVCX067	Trần Thị Hương	1.800	18.000.000	1.800	0,14%	
90	CVCX068	Trần Thị Thanh Hương	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
91	CVCX070	Nguyễn Thị Thu Hường	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	
92	CVCX071	Bùi Thị Hữu	1.300	13.000.000	1.300	0,10%	
93	CVCX076	Đào Quang Huy	1.000	10.000.000	1.000	0,08%	
94	CVCX080	Trần Ngôn Khánh	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
95	CVCX083	Trần Thị Khương	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
96	CVCX084	Trần Thị Kim	1.000	10.000.000	1.000	0,08%	
97	CVCX096	Đỗ Bá Long	300	3.000.000	300	0,02%	
98	CVCX110	Nguyễn Văn Nguyên	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
99	CVCX111	Phạm Thị Nhung	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
100	CVCX161	Nguyễn Thị Minh Thùy	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	Đàm Đình Năm
101	CVCX046	Trần Thị Hằng	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
102	CVCX142	Nguyễn Thị Thắm	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
103	CVCX163	Đỗ Thị Thu Thủy	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
104	CVCX010	Đoàn Thị Bình	900	9.000.000	900	0,07%	
105	CVCX042	Hoàng Thị Hà	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
106	CVCX052	Dương Thị Hiền	1.900	19.000.000	1.900	0,15%	
107	CVCX062	Nguyễn Thị Bích Hồng	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
108	CVCX137	Nguyễn Ngọc Sử	1.400	14.000.000	1.400	0,11%	
109	CVCX141	Nguyễn Văn Tào	1.200	12.000.000	1.200	0,09%	
110	CVCX151	Đồng Thị Thu	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
111	CVCX154	Nguyễn Văn Thuận	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
112	CVCX158	Lê Thị Thúy	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
113	CVCX178	Nguyễn Thị Tuyến	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	Phạm Văn Hùng
114	CVCX191	Trịnh Thị Xoan	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
115	CVCX190	Đoàn Út Xoa	1.000	10.000.000	1.000	0,08%	
116	CVCX170	Phạm Xuân Trường	1.000	10.000.000	1.000	0,08%	
117	CVCX012	Nguyễn Văn Ca	300	3.000.000	300	0,02%	
118	CVCX016	Nguyễn Văn Chung	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
119	CVCX030	Phạm Văn Dự	1.700	17.000.000	1.700	0,13%	
120	CVCX043	Vũ Đình Hà	600	6.000.000	600	0,05%	
121	CVCX045	Nguyễn Thành Hải	2.100	21.000.000	2.100	0,16%	
122	CVCX095	Nguyễn Văn Lợi	300	3.000.000	300	0,02%	
123	CVCX098	Trần Văn Luyện	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
124	CVCX114	Trần Đăng Ninh	300	3.000.000	300	0,02%	
125	CVCX136	Phạm Ngọc Sơn	300	3.000.000	300	0,02%	
126	CVCX157	Ngô Văn Thuận	100	1.000.000	100	0,01%	
127	CVCX175	Phạm Đức Tùng	300	3.000.000	300	0,02%	
		Cộng	294.500	2.945.000.000	294.500	23,01%	



3. Cổ đông vắng mặt:

TT	Mã cổ đông	Họ và tên	Số CP sở hữu	Số tiền sở hữu tương ứng (đồng)	Số phiếu biểu quyết	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
1	CVCX108	Nguyễn Minh Nghĩa	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
2	CVCX020	Nguyễn Đức Cường	200	2.000.000	200	0,02%	
3	CVCX087	Phạm Thị Lanh	1.100	11.000.000	1.100	0,09%	
4	CVCX121	Công ty TNHH Phúc Anh: Người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp: ông Nguyễn Văn Cúc	107.800	1.078.000.000	107.800	8,42%	
5	CVCX174	Nguyễn Văn Tùng	1.400	14.000.000	1.400	0,11%	
6	CVCX171	Nguyễn Trọng Trường	700	7.000.000	700	0,05%	
Tổng cộng			112.300	1.123.000.000	112.300	8,77%	

Hải Phòng, ngày 19 tháng 04 năm 2022

THƯ KÝ


Đoàn Thị Hương Trà

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI


Lê Văn Tuấn

